TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:112 /2020/DS-PT
Ngày 25 – 5 – 2020
V/v thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc: "tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Phạm B, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm B: Bà Đoàn Thị H (có mặt).

Cùng trú tại: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C ..

2. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1959 (có mặt)

Trú tại: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C ..

-*Bị đơn*:

1. Chị Phạm Văn T1, sinh năm 1981 (có mặt)

2. Chị Diệp Diễm T2, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Chị Diệp Diễm T2 là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Phạm B và bà Đoàn Thị H trình bày*: Ông B và bà H có một phần đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 32.914,2 m^2, tọa lạc tại ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Do kinh tế khó khăn, ông B và bà H cầm cố phần đất này cho anh Phạm Văn T1 và chị Diệp Diễm T2 hai lần là 60 chỉ vàng 24k. Đến năm 2013, ông B và bà H thống nhất chuyển nhượng phần đất này lại cho anh T1 và chị T2 với giá 75 chỉ vàng 24k và 250.000.000 đồng; anh T1 và chị T2 đã trả cho ông B và bà H 75 chỉ vàng 24k và 100.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng; anh T1 và chị T2 hẹn đến cuối năm 2014 trả đủ. Đến nay, anh T1, chị T2 vẫn chưa trả số tiền trên. Ông B, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T1 và chị T2 trả số tiền nợ 150.000.000 đồng, mỗi người trả 75.000.000 đồng.

- *Bị đơn chị Diệp Diễm T2 trình bày*: Khi bà và anh T1 còn chung sống, bà và anh T1 có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông B và bà H, nhưng khi bà và anh T1 ly hôn và yêu cầu chia phần đất mà chị và anh T1 nhận chuyển nhượng của ông B, bà H thì cả ông B, bà H, anh T1 đều cho rằng phần đất này ông B tặng cho riêng anh T1 nhưng Tòa án đã xác định phần đất trên là tài sản chung của anh T1 và chị nên đã chia xong. Chị thừa nhận khi nhận chuyển nhượng, bà và anh T1 đã trả cho bà H 75 chỉ vàng 24k và 100.000.000 đồng, còn nợ lại 150.000.000 đồng. Sau đó, chị có trả trực tiếp cho bà H 30.000.000 đồng và bà có đưa cho anh T1 6.000.000 đồng để anh T1 trả cho ông B, bà H. Bà và anh T1 chỉ còn nợ ông B, bà H 114.000.000 đồng. Chị và anh T1 đã ly hôn nên bà đồng ý trả cho ông B, bà H ½ số nợ với số tiền 57.000.000 đồng. Do hoàn cảnh bà hiện nay gặp khó khăn không có khả năng trả tiền cho ông B, bà H nên chị yêu cầu sau hai năm chị mới có điều kiện trả tiền cho ông B và bà H.

- *Bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày*: Anh thừa nhận lời trình bày của ông B, bà H là đúng. Trong thời gian anh và chị T2 còn là vợ chồng, ông và chị T2 có nhận chuyển nhượng của ông B, bà H một phần đất đúng như ông B, bà H trình bày. Anh và chị T2 còn nợ ông B, bà H số tiền 150.000.000 đồng, chị T2 cho rằng có trả cho ông B, bà H hai lần với số tiền 36.000.000 đồng là không có. Anh đồng ý trả cho ông B, bà H ½ khoản nợ với số tiền 75.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B, bà Đoàn Thị H.

- Buộc anhPhạm Văn T1 có nghĩa vụ trả cho của ông Phạm B và bà Đoàn Thị H số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

- Buộc chị Diệp Diễm T2 có nghĩa vụ trả cho của ông Phạm B và bà Đoàn Thị H số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/02/2020, chị Diệp Diễm T2 có đơn kháng bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà trả cho nguyên đơn số tiền 57.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Diệp Diễm T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Bà Đoàn Thị H tranh luận: Chị T2 không có trả cho bà 36.000.000 đồng.

Chị Diệp Diễm T2 tranh luận: Bà đã có trả 36.000.000 đồng. Bà trả tiền không có biên nhận là do người thân quen. Nay, chị chỉ đồng ý trả 57.000.000 đồng.

Anh Phạm Văn T1 không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Diệp Diễm T2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Diệp Diễm T2 không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc chị Tú có nghĩa vụ trả cho ông Phạm B, bà Đoàn Thị H sô tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) vì chị T2 cho rằng chị T2 đã trả cho ông B, bà H thêm hai lần số tiền 36.000.000 nên chị Tú đồng ý trả ½ khoản nợ với số tiền 57.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Việc chị T2 và anh Phạm Văn T1 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 32.914,2 m^2 của ông B, bà H với giá 75 chỉ vàng 24 kara và 250.000.000 đồng. Anh, chị đã trả được 75 chỉ vàng 24 kara và 100.000.000 đồng, còn thiếu 150.000.000 đồng có biên nhận vào năm 2013 là thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận. Tuy nhiên, chị T2 cho rằng sau đó chị đã trực tiếp trả cho bà H 30.000.000 đồng vào năm 2014, và đưa cho anh T1 trả 6.000.000 đồng vào năm 2016, 2017. Nhưng lời trình bày của chị T2 không được ông B, bà H , anh T1 thừa nhận. Hơn nữa ngoài lời trình bày của mình chị T2 không có cung cấp văn bản, cũng như chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của minh. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H buộc anh T1, chị T2 mỗi người có nghãi vụ trả cho ông B và bà T1 số tiền 75.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm chị T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh việc chị T2 đã trả cho ông B, bà H số tiền 36.000.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Diệp Diễm T2. Cần giữ nguyên bản án dân sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Diệp Diễm T2 phải chịu 300.000 đồng.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Diệp Diễm T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B và bà Đoàn Thị H.

Buộc anh Phạm Văn T1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm B và bà Đoàn Thị H số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Buộc chị Diệp Diễm T2 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm B và bà Đoàn Thị H số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Diệp Diễm T2 phải chịu số tiền 3.750.000 đồng. Buộc anh Phạm Văn T1 phải chịu số tiền 1.875.000 đồng. Ông Phạm B và bà Đoàn Thị H không phải chịu án phí; ông B, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019673 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được nhận lại.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Diệp Diễm T2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/02/2020, chị T2 đã dự nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0019932 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Tân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

Đặng Minh Trung